

Bản án số: 25/2024/HS-ST
Ngày: 24-4-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔ LƯƠNG, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Duy Phi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Ngọc, ông Nguyễn Đình Nhàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 15/2024/TLST-HS ngày 04 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2024/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Tiêu Thị G, tên gọi khác: Không; sinh năm 1997, nơi sinh: Xã Phúc Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An; Nơi cư trú: Xóm T, xã T, huyện Đ tỉnh Nghệ An; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông: Tiêu Văn H (đã Chết), con bà: Nguyễn Thị Q, sinh năm: 1971; Chồng: Nguyễn Sỹ N (đã ly hôn), con: Có 02 người con, con lớn nhất sinh năm 2014, con nhỏ nhất sinh năm 2023; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Chị Võ Thị N- sinh năm 1985. Vắng mặt

Nơi cư trú: Xóm 4, xã Đà Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

2. Chị Hồ Thị D, sinh năm 1993. Vắng mặt

Nơi cư trú: Khối 5, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Nghệ An.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Doanh nghiệp Tư nhân H.

Địa chỉ: Khối 5, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồng Quốc D, sinh năm 1956. Chủ doanh nghiệp. Vắng mặt.

2. Chị Trần Nhật L, sinh năm 1998. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Khối 3, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Nghệ An.

3. Công Ty TNHH Vàng bạc P.

Địa chỉ: Khối 3, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1984 – Chức vụ:
Giám đốc. Vắng mặt

4. Doanh nghiệp Tư nhân Vàng Bạc K.

Địa chỉ: Khối 3, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Anh Nguyễn Tiến H, sinh năm 1975. Chủ
doanh nghiệp. Vắng mặt

5. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1961. Vắng mặt

Nơi cư trú: Xóm T, xã T, huyện Đ, tỉnh Nghệ An.

6. Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1961. Vắng mặt

Nơi cư trú: Xóm T, xã T, huyện Đ, tỉnh Nghệ An.

7. Chị Phạm Thị N, sinh năm 1967. Vắng mặt

Nơi cư trú: Xóm T, xã T, huyện Đ, tỉnh Nghệ An.

8. Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1971. Vắng mặt

Nơi cư trú: Xóm 3, xã N, huyện Đ, tỉnh Nghệ An.

Người làm chứng:

1. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1997. Vắng mặt

Nơi cư trú: Khối 5, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Nghệ An.

2. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1986. Vắng mặt

Nơi cư trú: Khối 6, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Nghệ An.

3. Bà Trần Thị H, sinh năm 1962. Vắng mặt

Nơi cư trú: Khối 5, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Nghệ An.

4. Chị Đào Thị Hải Y, sinh năm 1994. Vắng mặt

Nơi cư trú: Khối 7, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Nghệ An.

5. Chị Hồ Thị Hải Y, sinh năm 1994. Vắng mặt

Nơi cư trú: Khối 6, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 00 ngày 04/01/2024, bị cáo Tiêu Thị G điều khiển xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA EXCITER màu xanh – trắng mang BKS 37D1 – 648.99 đi từ nơi ở tại xóm T, xã T, huyện Đ đến cửa hàng bán trang sức mỹ ký ở chợ Hải An, thị trấn Đ, huyện Đ mua 02 chiếc nhẫn màu vàng với giá 50.000đ (năm mươi nghìn đồng)/1 chiếc. Sau đó, G điều khiển xe mô tô mang theo chiếc nhẫn vàng mỹ ký vừa mua được đến Cửa hàng vàng bạc Phú Hữu (Công ty TNHH vàng bạc Phú Hữu) tại số nhà 66, đường Đội Cung thuộc khối 3, thị trấn Đô Lương, huyện Đô Lương, lúc này khoảng 14 giờ 25 phút cùng ngày. Khi vào cửa hàng, bị cáo G

đi đến quầy vàng gặp chị Võ Thị N, sinh năm 1985, trú tại xóm 4, xã Đà Sơn, huyện Đô Lương – là nhân viên bán hàng cho cửa hàng Phú Hữu hỏi mua 01 nhẫn vàng 9999 loại 02 chỉ, chị N đưa 01 nhẫn vàng 9999 loại 02 chỉ cho G xem nhưng sau đó G yêu cầu đổi thành 02 chiếc nhẫn vàng 9999 loại 01 chỉ, chị N nhận lại 01 chiếc nhẫn vàng loại 02 chỉ cất vào quầy và lấy từ quầy ra 02 chiếc nhẫn vàng 9999 loại 01 chỉ bỏ vào 01 chiếc hộp nhựa màu đỏ thường dùng đựng vàng đặt lên mặt kính quầy bán vàng cho G xem rồi chị N quay lại viết hóa đơn. Chị N hỏi G trả tiền mặt hay chuyển khoản thì G nói chuyển khoản, G giả vờ bấm điện thoại quét mã QR như đang chuyển khoản rồi báo cho chị N là đã chuyển. G lấy từ trong túi áo ra 01 chiếc ví (trong ví không có tiền mà chỉ có 01 thẻ bảo hành xe mô tô) của G trên mặt quầy. Lúc này, lợi dụng sơ hở chị N đang quay lưng không chú ý, G kiểm tra nhẫn trong hộp rồi nhanh tay lấy 02 chiếc nhẫn vàng trong hộp nhựa mà chị N đưa ra và bóc 01 tem giấy dán ở một trong hai nhẫn rồi lấy 02 nhẫn vàng bỏ vào túi áo của G đang mặc, đồng thời G lấy 01 chiếc nhẫn giả (mỹ ký) vừa mua tại chợ từ trong túi áo đang mặc ra dán chiếc tem giấy nói trên vào chiếc nhẫn giả rồi bỏ vào hộp nhựa, xong thì G đóng hộp lại. Chị N hỏi chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1986, trú tại khối 6, thị trấn Đ, huyện Đ – là nhân viên kế toán đang quản lý điện thoại có số tài khoản nhận tiền cho cửa hàng – đã nhận được tiền chưa thì chị Ngân báo chưa nhận được nên chị N nói G chờ một tí. Chờ thêm một lúc, G chỉ vào chiếc ví của G trên mặt quầy và nói với chị N “coi hộ em cái ví, em ra ngoài”. G đi ra khỏi cửa hàng thì chị N cất hộp nhựa màu đỏ trên mặt quầy, chờ một lúc không thấy G quay lại, thấy nghi ngờ nên chị N mở hộp ra thì phát hiện đã mất 02 nhẫn vàng loại 01 chỉ mà thay vào đó là 01 nhẫn màu vàng nghi là vàng giả nên đã đến Công an thị trấn Đô Lương trình báo sự việc và giao nộp chiếc nhẫn màu vàng do G để lại.

Khoảng 15 giờ 00 phút cùng ngày 4/1/2024, sau khi rời khỏi Cửa hàng vàng bạc Phú Hữu, Tiêu Thị G điều khiển xe mô tô đến Cửa hàng vàng bạc Hải Vân 2 (thuộc Doanh nghiệp tư nhân Hải Vân), số nhà 102, đường Phan Bội Châu thuộc khối 5, thị trấn Đ, huyện Đ để bán 02 chỉ vàng vừa lấy được. Tại đây, G đã bán cho chị Hồ Thị Dung, sinh năm 1993, trú tại khối 5, thị trấn Đ, huyện Đ (người bán hàng tại cửa hàng) 02 nhẫn vàng loại 01 chỉ vừa lấy được tại Cửa hàng Phú Hữu với số tiền là 12.150.000 đồng (mười hai triệu một trăm năm mươi nghìn đồng). Tiền bán vàng được chuyển vào tài khoản ngân hàng BIDV số 6513724915 mang tên Tiêu Thị G. Sau khi nhận được tiền, G nhờ chị D sạc nhờ điện thoại. Sau đó, G điều khiển xe mô tô đi về, khi mới đi đến xã Đà Sơn, huyện Đô Lương thì G gặp một người phụ nữ không quen biết trên đường nhờ người đó đưa tiền mặt để G chuyển khoản, G lấy tiền mặt 12.150.000 đồng (mười hai triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) xong thì G đưa số tiền trên đến cho bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1971,

trú tại xóm 3, xã Nam Sơn, huyện Đô Lương – là mẹ đẻ của G – đang điều trị tại Bệnh viện đa khoa huyện Đô Lương.

Trên đường đi về xã T, huyện Đ, G suy nghĩ chưa đủ tiền trả nợ và tiêu xài nên nảy sinh ý định quay lại Cửa hàng vàng bạc Hải Vân 2 tại khối 5, thị trấn Đ, huyện Đ để thực hiện hành vi chiếm đoạt vàng. G ý định sẽ vào hỏi mua vàng, khi nào nhận được vàng xem thì sẽ nói đi ra xe lấy tiền đồng thời cầm theo vàng đi ra rồi bỏ chạy. Khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày 04/01/2024, G quay lại Cửa hàng vàng bạc Hải Vân 2 gặp chị Hồ Thị Dung để hỏi mua 05 chỉ vàng. Chị D có hỏi G “*răng vừa bán giờ lại mua lại?*” thì G trả lời “*mua để đi cưới*”. Chị D đưa ra 05 chiếc nhẫn tròn vàng loại mỗi chiếc 01 chỉ cho G xem thì G yêu cầu chị D 05 chỉ vàng gồm 02 nhẫn tròn loại 02 chỉ và 01 nhẫn tròn loại 01 chỉ. Chị D nói với G trong cửa hàng không có nhẫn vàng 9999 loại 02 chỉ, chờ một lúc để xem. Lúc này, G lấy 01 chiếc nhẫn vàng loại 01 chỉ đeo vào ngón áp út tay trái và đưa lại cho chị D 04 chiếc nhẫn vàng loại 01 chỉ. Chị D gọi điện thoại cho bà Trần Thị Hải, sinh năm 1961, trú tại khối 5, thị trấn Đ, huyện Đ – là mẹ chồng chị D đang buôn bán vàng tại Cửa hàng vàng bạc Hải Vân 1 cùng thuộc Doanh nghiệp tư nhân Hải Vân – mượn 02 nhẫn vàng 9999 loại 02 chỉ, bà H đưa 02 nhẫn vàng loại 02 chỉ cho chị Nguyễn Thị Trang, sinh năm 1997, trú tại khối 6, thị trấn Đ, huyện Đ – em dâu chị D – cầm 02 chiếc nhẫn vàng loại 02 chỉ đến đưa cho chị D. Chị Trang mang nhẫn đến đưa cho chị D thì về luôn. Chị D đưa 02 chiếc nhẫn vàng loại 02 chỉ cho G xem. Tiêu Thị G cầm 02 chiếc nhẫn vàng lên xem và nói chị D viết hóa đơn. Lúc chị D đang cúi đầu viết hóa đơn thì G nói “*em ra xe lấy tiền*” đồng thời G quay người bước đi ra cửa cầm theo trên tay 03 (ba) chiếc nhẫn vàng gồm 02 chiếc nhẫn loại 02 chỉ và 01 chiếc nhẫn loại 01 chỉ, chị D nghe vậy không trả lời, chưa kịp phản ứng thì G đã đi ra khỏi cửa, chị D nhìn theo nhưng không phản ứng gì. G đi ra xe mô tô vừa mở cốp xe, giả vờ lấy tiền vừa nhìn vào cửa hàng để xem có bị theo dõi và đuôi theo hay không thì chị D vẫn đang đứng trong quầy nhìn theo G. Thấy G có hành động lúng túng thì chị D sợ bị lấy vàng bỏ chạy nên quyết định đi ra theo, cùng lúc đó thì G đóng cốp xe và lên xe nổ máy bỏ chạy. Chị D chạy từ trong quầy đi ra đến cửa thấy G lên xe bỏ chạy có hô lên nhưng G đã tẩu thoát. Sau đó, chị D đến trình báo cho cơ quan điều tra và đã giao nộp 02 chiếc nhẫn vàng mà G mang đến bán (02 chiếc nhẫn này là 02 chiếc nhẫn mà G trộm cắp tại cửa hàng vàng bạc Phú Hữu trước đó)

Sau khi G điều khiển xe bỏ chạy khỏi Cửa hàng vàng bạc Hải Vân 2, đến khoảng 16 giờ 10 phút cùng ngày 04/01/2024, Tiêu Thị G đến Cửa hàng vàng bạc Hải Hà (Doanh nghiệp tư nhân vàng bạc Kim Tuấn Hải), số nhà 65, đường Đội Cung thuộc khối 3, thị trấn Đô Lương, huyện Đô Lương (đối diện Cửa hàng vàng bạc Phú Hữu) bán 03 (ba) chiếc nhẫn vàng mà G vừa chiếm đoạt được của Cửa hàng vàng bạc Hải Vân 2 cho chị Trần Nhật L, sinh năm 1998, trú tại khối 3, thị

trần Đ, huyện Đ – người đứng quầy bán hàng – để lấy số tiền 30.250.000 đồng (ba mươi triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). G nhận tiền mặt, sau đó, điều khiển xe mô tô về nhà ở xã T, huyện Đ, tỉnh Nghệ An. Số tiền này, G lấy 14.500.000 đồng (mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng) đưa cho bà Phạm Thị Nga, sinh năm 1967, trú tại xóm T, xã T, huyện Đ để trả nợ; số tiền còn lại là 15.750.000 đồng (mười lăm triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) G nộp vào tài khoản ngân hàng BIDV số 6513724915 mang tên Tiêu Thị G. Chị Trần Nhật L biết được 03 chiếc nhẫn liên quan đến hành vi phạm tội nên đã đến giao nộp cho cơ quan điều tra.

Tại biên bản mở niêm phong, kiểm tra vàng vào hồi 09 giờ 50 phút ngày 11/1/2024 tại cửa hàng vàng bạc Phú Hữu khối 3, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Nghệ An xác định trọng lượng vàng, chất lượng vàng, đối với 03 (ba) chiếc nhẫn được làm bằng kim loại, màu vàng, mặt trong có in dập các dòng chữ và số ở các nhẫn là (“HẢI VÂN”, “9999”, “1”), (“HẢI VÂN”, “2”, “9999”), (“HẢI VÂN”, “2c”, “9999”). Tiến hành cân trọng lượng: 02 nhẫn có trọng lượng 02 chỉ, 01 nhẫn có trọng lượng 01 chỉ; tổng trọng lượng 05 chỉ. Đây là nhẫn vàng của Doanh nghiệp vàng bạc Hải Vân. Kiểm tra chất lượng bằng máy đo tuổi vàng SKYRAY INSTRUMENT EDX900 EDXRF SPECTROMETER: 01 nhẫn 02 chỉ vàng 99,56%, 01 nhẫn 02 chỉ vàng 99,99%, 01 nhẫn 01 chỉ vàng 99,99%. (BL: 80)

Tại biên bản mở niêm phong, kiểm tra vàng vào hồi 10 giờ 10 phút ngày 11/1/2024 tại cửa hàng vàng bạc Phú Hữu khối 3, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Nghệ An xác định trọng lượng vàng, chất lượng vàng đối với 01 (một) chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, mặt trong có in dập số “9999”, 01 (một) hộp nhựa màu đỏ, 01 tem rời của cửa hàng Phú Hữu loại 01 chỉ. Tiến hành cân trọng lượng: 01 nhẫn có trọng lượng 0,526 (đơn vị: chỉ). Kiểm tra chất lượng: 0,52%Au; 0,68%Ag; 88,93%Cu; 1,95%Zn; 7,91%N. Đây là chiếc nhẫn giả (mỹ ký) của Tiêu Thị G thực hiện hành vi “Trộm cắp tài sản” để lại tại cửa hàng Phú Hữu vào ngày 04/01/2024.

Tại biên bản mở niêm phong, kiểm tra vàng vào hồi 09 giờ 30 phút ngày 11/1/2024 tại cửa hàng vàng bạc Phú Hữu khối 3, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Nghệ An xác định trọng lượng vàng, chất lượng vàng đối với 02 (hai) chiếc nhẫn có đặc điểm tương đồng nhau, mỗi nhẫn bằng kim loại màu vàng, mặt trong có in dập các chữ và số “9999”, “phuhuu”, “1c”. Tiến hành cân trọng lượng: 02 nhẫn, mỗi nhẫn có trọng lượng 01 chỉ. Kiểm tra chất lượng bằng máy đo tuổi vàng SKYRAY INSTRUMENT EDX900 EDXRF SPECTROMETER: 01 nhẫn vàng 99,72%; 01 nhẫn vàng 99,68%. Nhẫn vàng của cửa hàng Phú Hữu.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 01 ngày 05/01/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thuộc Hội đồng định giá của UBND huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An kết luận:

“Tại thời điểm ngày 04 tháng 01 năm 2024:

- 02 (hai) chiếc nhẫn vàng 9999 có đặc điểm tương đồng nhau, mỗi chiếc nhẫn trọng lượng 01 chỉ, mặt trong có in dập các chữ và số “9999”, “Phuhuu”, “1C” có giá trị là 12.600.000 đồng (mười hai triệu sáu trăm nghìn đồng).

- 01 (một) chiếc nhẫn vàng 9999 trọng lượng 01 chỉ, mặt trong có in dập các dòng chữ và số gồm: “HẢI VÂN”, “9999”, “1”, có giá trị là 6.300.000 đồng (sáu triệu ba trăm nghìn đồng).

- 01 (một) chiếc nhẫn vàng 9999 trọng lượng 02 chỉ, mặt bên trong có in dập các dòng chữ và số gồm: “HẢI VÂN”, “2”, “9999” có giá trị là 12.600.000 đồng (mười hai triệu sáu trăm nghìn đồng).

- 01 (một) chiếc nhẫn vàng 9999 trọng lượng 02 chỉ, mặt bên trong có in dập các dòng chữ và số gồm: “HẢI VÂN”, “2c”, “9999” có giá trị là 12.600.000 đồng (mười hai triệu sáu trăm nghìn đồng) ”.

Cáo trạng số 19/CT-VKS-ĐL ngày 04/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An truy tố bị cáo Tiêu Thị G về các tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 173 BLHS và tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

Về tội danh và hình phạt:

- Áp dụng: Khoản 1 điều 173; khoản 1 Điều 171; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 55 HLHS.

- Xử phạt bị cáo Tiêu Thị G từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Xử phạt bị cáo Tiêu Thị G từ 24 tháng tù đến 27 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”; Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Tiêu Thị G phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội từ 36 tháng tù đến 42 tháng tù. Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 102 BLTTHS. Tuyên xử: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, mặt trong có in dập số “9999” do chị Võ Thị N giao nộp; Trả lại cho bị cáo Tiêu Thị G 01 (một) chiếc ví da màu đen có kích thước 8 x 10 cm, loại ví gấp, bên trong ví có 01 thẻ bảo hành chính hãng xe mô tô HONDA. Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14. Buộc bị cáo Tiêu Thị G chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa bị hại chị Võ Thị N vắng mặt nhưng quá trình giải quyết vụ án đã khai: Khoảng 14 giờ 25 phút ngày 04/01/2024, bị cáo G đi đến quầy bán vàng gặp chị N hỏi mua 01 nhẫn vàng 9999 loại 02 chỉ. Sau đó chị N đưa 01 nhẫn vàng 9999 loại 02 chỉ cho bị cáo G xem nhưng sau đó bị cáo G yêu cầu đổi thành 02 chiếc nhẫn vàng 9999 loại 01 chỉ. Chị N nhận lại 01 chiếc nhẫn vàng loại 02 chỉ cất vào quầy và lấy từ quầy ra 02 chiếc nhẫn vàng 9999 loại 01 chỉ bỏ vào 01 chiếc hộp nhựa màu đỏ thường dùng đựng vàng đặt lên mặt kính quầy bán vàng cho bị

cáo G xem rồi chị N quay lại viết hóa đơn. Chị N hỏi bị cáo G trả tiền mặt hay chuyển khoản thì bị cáo G nói chuyển khoản và bị cáo G giả vờ bấm điện thoại quét mã QR như đang chuyển khoản rồi báo cho chị N là đã chuyển. Chị N hỏi chị Nguyễn Thị N là nhân viên kế toán đang quản lý điện thoại có số tài khoản nhận tiền cho cửa hàng – đã nhận được tiền chưa thì chị Ngân báo chưa nhận được nên chị N nói G chờ một tí. Chờ thêm một lúc, bị cáo G chỉ vào chiếc ví mà bị cáo G đã đặt lên trên mặt quầy bán hàng và nói với chị N “coi hộ em cái ví, em ra ngoài”. Sau đó, bị cáo G đi ra khỏi cửa hàng thì chị N cất hộp nhựa màu đỏ trên mặt quầy, chờ một lúc không thấy bị cáo G quay lại, thấy nghi ngờ nên chị N mở hộp ra thì phát hiện đã mất 02 nhẫn vàng loại 01 chỉ mà thay vào đó là 01 nhẫn màu vàng nghi là vàng giả nên đã đến Công an thị trấn Đô Lương trình báo sự việc và giao nộp chiếc nhẫn màu vàng do G để lại. Việc bị cáo G lấy nhẫn vàng, đánh tráo nhẫn vàng lúc nào chị N không rõ. Quá trình giải quyết vụ án cơ quan điều tra Công an huyện Đô Lương đã trả lại 02 nhẫn vàng mà bị cáo chiếm đoạt nên chị N không bị thiệt hại gì vì vậy chị N không có yêu cầu gì về mặt dân sự. Về trách nhiệm hình sự chị N đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị hại Hồ Thị D vắng mặt nhưng quá trình giải quyết vụ án đã khai: Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 4/1/2024, khi chị D đang ở cửa hàng thì bị cáo Tiêu Thị G đến bán cho chị D 02 nhẫn vàng loại 01 chỉ với số tiền là 12.150.000 đồng (mười hai triệu một trăm năm mươi nghìn đồng). Tiền mua bán vàng được chuyển vào tài khoản ngân hàng BIDV số 6513724915 mang tên Tiêu Thị G. Khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày 04/01/2024, bị cáo G quay lại Cửa hàng vàng bạc Hải Vân 2 gặp chị D để hỏi mua 05 chỉ vàng. Chị D có hỏi G “*răng vừa bán giờ lại mua lại?*” thì G trả lời “*mua để đi cưới*”. Chị D đưa ra 05 chiếc nhẫn tròn vàng loại mỗi chiếc 01 chỉ cho G xem thì G yêu cầu chị D 05 chỉ vàng gồm 02 nhẫn tròn loại 02 chỉ và 01 nhẫn tròn loại 01 chỉ. Chị D nói với G trong cửa hàng không có nhẫn vàng 9999 loại 02 chỉ, chờ một lúc để xem. Lúc này, G lấy 01 chiếc nhẫn vàng loại 01 chỉ đeo vào ngón áp út tay trái và đưa lại cho chị D 04 chiếc nhẫn vàng loại 01 chỉ. Chị D gọi điện thoại cho bà Trần Thị Hải là mẹ chồng chị D đang buôn bán vàng tại Cửa hàng vàng bạc Hải Vân 1 cùng thuộc Doanh nghiệp tư nhân Hải Vân – mượn 02 nhẫn vàng 9999 loại 02 chỉ, bà H đưa 02 nhẫn vàng loại 02 chỉ cho chị Nguyễn Thị Trang (là em dâu chị D) cầm 02 chiếc nhẫn vàng loại 02 chỉ đến đưa cho chị D. Chị Trang mang nhẫn đến đưa cho chị D thì về. Chị D đưa 02 chiếc nhẫn vàng loại 02 chỉ cho bị cáo G xem. Bị cáo Tiêu Thị G cầm 02 chiếc nhẫn vàng lên xem và nói chị D viết hóa đơn. Lúc chị D đang cúi đầu viết hóa đơn thì G nói “*em ra xe lấy tiền*” đồng thời G quay người bước đi ra cửa cầm theo trên tay 03 (ba) chiếc nhẫn vàng gồm 02 chiếc nhẫn loại 02 chỉ và 01 chiếc nhẫn loại 01 chỉ, chị D nghe vậy không trả lời, chưa kịp phản ứng thì G đã đi ra

khỏi cửa, chị D nhìn theo nhưng không phản ứng gì. Bị cáo G đi ra xe mô tô vừa mở cốp xe, giả vờ lấy tiền vừa nhìn vào cửa hàng để xem có bị theo dõi và đuổi theo hay không thì chị D vẫn đang đứng trong quầy nhìn theo. Thấy bị cáo G có hành động lúng túng thì chị D sợ bị lấy vàng nên đi ra theo, cùng lúc đó thì bị G đóng cốp xe và lên xe nổ máy bỏ chạy. Chị D chạy từ trong quầy đi ra đến cửa thấy G lên xe bỏ chạy có hô lên nhưng G đã tẩu thoát. Sau đó, chị D đến trình báo cho cơ quan điều tra và đã giao nộp 02 chiếc nhẫn vàng mà bị cáo G mang đến bán. Quá trình điều tra vụ án Cơ quan điều tra Công an huyện Đô Lương đã trả lại 03 nhẫn vàng cho chủ sở hữu, chị D không bị thiệt hại gì nên chị D không có yêu cầu gì về mặt dân sự, về trách nhiệm hình sự chị D đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Doanh nghiệp Tư nhân H là anh Hồng Quốc D vắng mặt nhưng quá trình giải quyết vụ án đã khai: Chiều ngày 04/01/2024, tại cửa hàng vàng bạc Hải Vân 2 bị cáo Tiêu Thị G có hành vi cướp giật 05 chỉ vàng gồm 03 nhẫn vàng (02 nhẫn vàng 9999 loại 02 chỉ, và 01 nhẫn vàng 9999 loại 1 chỉ). Giá trị tài sản mà bị cáo G chiếm đoạt là 31.500.000 đồng (Ba mươi một triệu năm trăm nghìn đồng). Quá trình giải quyết vụ án anh Dũng đã nhận lại 05 chỉ vàng gồm 03 nhẫn vàng mà bị cáo đã chiếm đoạt và số tiền 12.150.000 đồng bị cáo G trả lại nên không có thiệt hại gì. Vì vậy, anh Hồng không có yêu cầu gì thêm về mặt dân sự.

Tại phiên tòa người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Doanh nghiệp Tư nhân Vàng Bạc K là anh Nguyễn Tiến H vắng mặt nhưng quá trình giải quyết vụ án đã khai: Khoảng 16 giờ 10 phút ngày 04/01/2024, bị cáo Tiêu Thị G đến Cửa hàng vàng bạc Hải Hà bán 03 (ba) chiếc nhẫn vàng cho chị Trần Nhật L là người đứng quầy bán hàng với giá tiền 30.250.000 đồng (ba mươi triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Khi mua của bị cáo G chị L nhân viên bán hàng không biết đó là tài sản do bị cáo G phạm tội mà có. Quá trình điều tra chị Trần Nhật L đã giao nộp 03 chiếc nhẫn liên quan đến hành vi phạm tội cho cơ quan điều tra và anh Hải đã nhận đủ số tiền 30.250.000 đồng (ba mươi triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) do bị cáo G bồi thường nên không có yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Trần Nhật L vắng mặt nhưng quá trình giải quyết vụ án đã khai: Chị L là nhân viên bán hàng tại cửa hàng vàng bạc Hải Hà. Khoảng 16 giờ 10 phút ngày 04/01/2024, khi chị L đang thực hiện công việc bán hàng thì bị cáo Tiêu Thị G đến bán 03 (ba) chiếc nhẫn vàng cho chị Linh với giá tiền 30.250.000 đồng (ba mươi triệu hai trăm năm mươi

ng nghìn đồng). Chị L không biết 03 nhẫn vàng này là tài sản do bị cáo G phạm tội mà có. Quá trình điều tra chị Linh đã giao nộp 03 chiếc nhẫn liên quan đến hành vi phạm tội cho cơ quan điều tra và bị cáo đã bồi thường số tiền 30.250.000 đồng (ba mươi triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), chị Linh không có thiệt hại gì nên không có yêu cầu gì về mặt dân sự.

Tại phiên tòa đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công Ty TNHH Vàng bạc P là chị Nguyễn Thị H vắng mặt nhưng quá trình giải quyết vụ án đã khai: Công Ty TNHH Vàng bạc P có thuê chị Võ Thị N là nhân viên bán hàng tại cửa hàng vàng bạc Phú Hữu, quá trình chị N thực hiện công việc thì toàn bộ vàng cho chị N quản lý. Chiều ngày 04/01/2024, tại cửa hàng vàng bạc Phú Hữu xảy ra sự việc bị cáo Tiêu Thị G trộm cắp 02 nhẫn vàng loại 01 chỉ. Sau khi xảy ra sự việc Cơ quan điều tra Công an huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An đã trao trả lại 02 nhẫn vàng mà bị cáo G chiếm đoạt. Vì vậy, chị Huyền không có yêu cầu gì về mặt dân sự.

Tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H vắng mặt nhưng quá trình giải quyết vụ án đã khai: Anh Hồng là người được chủ sở hữu anh Nguyễn Văn Q (anh Quang là con trai của ông Hồng) giao quyền quản lý, sử dụng chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA EXCITER, mang biển kiểm soát 37D1-648.99. Bị cáo Tiêu Thị G là người sống chung như vợ chồng với con trai ông Hồng (anh Nguyễn Văn Quang). Ngày 04/01/2024, bị cáo G tự ý sử dụng chiếc xe mô tô để thực hiện các hành vi phạm tội ông Hồng không biết. Quá trình điều tra ông Hồng đã nhận lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA EXCITER, mang biển kiểm soát 37D1-648.99 nên không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự.

Tại phiên tòa đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Q vắng mặt nhưng quá trình giải quyết vụ án đã khai: Chiều ngày 04/01/2024, khi bà đang nằm điều trị tại Bệnh viện đa khoa huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An thì con gái bà Q là bị cáo Tiêu Thị G đến và đưa cho bà Q số tiền 12.150.000 đồng (mười hai triệu một trăm năm mươi nghìn đồng). Bà Q không biết đây là số tiền mà bị cáo G thực hiện hành vi phạm tội mà có. Quá trình giải quyết vụ án bà Q đã đưa số tiền này cho bị cáo G để bị cáo trả lại cho bị hại. Bà Q không có thiệt hại gì xảy ra nên không có yêu cầu gì về mặt dân sự.

Tại phiên tòa đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị N vắng mặt nhưng quá trình giải quyết vụ án đã khai: Bị cáo Tiêu Thị G là người chung sống như vợ chồng với con trai bà Nga. Quá trình chung sống bị cáo G có vay nợ chị Nga. Chiều ngày 04/01/2024, bị cáo G có đến và trả nợ cho bà Nga số tiền 14.500.000 đồng (mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Bà Nga không biết đây là số tiền mà bị cáo G thực hiện hành vi phạm tội mà có. Quá trình giải quyết vụ án bà Nga đã đưa số tiền này cho bị cáo G để bị cáo

trả lại cho bị hại. Bà Nga không có thiệt hại gì xảy ra nên không có yêu cầu gì về mặt dân sự.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng truy tố là đúng nên không tranh luận gì và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về Hành vi, quyết định tố tụng.

Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Đô Lương, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2]. Về việc xét xử vắng mặt của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng:

Tại phiên tòa người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án họ đã có lời khai đầy đủ, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm về phần dân sự. Xét thấy việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Vì vậy, HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng là đúng quy định tại Điều 292, 299 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét hành vi của bị cáo:

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã truy tố là đúng. Xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa có cơ sở để kết luận:

Vào khoảng 14 giờ 30 phút ngày 04/01/2024, tại cửa hàng vàng bạc Phú Hữu (công ty TNHH vàng bạc Phú Hữu) số nhà 66, đường Đội Cung thuộc khối 3, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Nghệ An, bị cáo Tiêu Thị G với mục đích chiếm đoạt tài sản đã vào cửa hàng vàng bạc Phú Hữu với thủ đoạn giả vờ hỏi mua vàng nhằm tiếp cận tài sản, sau đó lợi dụng sơ hở của người bán hàng chị Võ Thị N đã

thực hiện hành vi chiếm đoạt 02 chiếc nhẫn vàng loại mỗi chiếc 01 chỉ. Việc bị cáo G chiếm đoạt 02 chiếc nhẫn vàng và bỏ lại 01 nhẫn mã ký của bị cáo G vào hộp chị N không hề biết; hành vi này của bị cáo G không công khai, không tạo ra lòng tin đối với người quản lý tài sản mà đây là thủ đoạn nhằm che đậy hành vi lén lút ngay khi thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản. Do đó, hành vi của bị cáo phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” tổng trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt (02 nhẫn vàng) là 12.600.000 đồng (mười hai triệu sáu trăm nghìn đồng).

Đối với hành vi chiếm đoạt tại Cửa hàng vàng bạc Hải Vân 2 tại khối 5, thị trấn Đ, huyện Đ: Khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày 04/01/2024, Bị cáo G quay lại Cửa hàng vàng bạc Hải Vân 2 gặp chị Hồ Thị Dung để hỏi mua 05 chỉ vàng. Chị D có hỏi G *“răng vừa bán giờ lại mua lại?”* thì G trả lời *“mua để đi cưới”*. Chị D đưa ra 05 chiếc nhẫn tròn vàng loại mỗi chiếc 01 chỉ cho G xem thì G yêu cầu chị D 05 chỉ vàng gồm 02 nhẫn tròn loại 02 chỉ và 01 nhẫn tròn loại 01 chỉ. Chị D nói với G trong cửa hàng không có nhẫn vàng 9999 loại 02 chỉ, chờ một lúc để xem. Lúc này, G lấy 01 chiếc nhẫn vàng loại 01 chỉ đeo vào ngón áp út tay trái và đưa lại cho chị D 04 chiếc nhẫn vàng loại 01 chỉ. Chị D gọi điện thoại cho bà Trần Thị Hải, sinh năm 1961, trú tại khối 5, thị trấn Đ, huyện Đ – là mẹ chồng chị D đang buôn bán vàng tại Cửa hàng vàng bạc Hải Vân 1 cùng thuộc Doanh nghiệp tư nhân Hải Vân – mượn 02 nhẫn vàng 9999 loại 02 chỉ, bà H đưa 02 nhẫn vàng loại 02 chỉ cho chị Nguyễn Thị Trang, sinh năm 1997, trú tại khối 6, thị trấn Đ, huyện Đ – em dâu chị D – cầm 02 chiếc nhẫn vàng loại 02 chỉ đến đưa cho chị D. Chị Trang mang nhẫn đến đưa cho chị D thì về luôn. Chị D đưa 02 chiếc nhẫn vàng loại 02 chỉ cho bị cáo G xem. Bị cáo Tiêu Thị G cầm 02 chiếc nhẫn vàng lên xem và nói chị D viết hóa đơn. Lúc chị D đang cúi đầu viết hóa đơn thì bị cáo G nói *“em ra xe lấy tiền”* đồng thời bị cáo G quay người bước đi ra cửa cầm theo trên tay 03 (ba) chiếc nhẫn vàng gồm 02 chiếc nhẫn loại 02 chỉ và 01 chiếc nhẫn loại 01 chỉ, chị D nghe vậy không trả lời, chưa kịp phản ứng thì bị cáo G đã đi ra khỏi cửa, chị D nhìn theo nhưng không phản ứng gì. Bị cáo G đi ra xe mô tô vừa mở cốp xe, giả vờ lấy tiền vừa nhìn vào cửa hàng để xem có bị theo dõi và đuổi theo hay không thì chị D vẫn đang đứng trong quầy nhìn theo bị cáo G. Thấy bị cáo G có hành động lúng túng thì chị D sợ bị lấy vàng bỏ chạy nên quyết định đi ra theo, cùng lúc đó thì bị cáo G đóng cốp xe và lên xe nổ máy bỏ chạy. Chị D chạy từ trong quầy đi ra đến cửa thấy bị cáo G lên xe bỏ chạy có hô lên nhưng bị cáo G đã tẩu thoát.

Căn cứ Án lệ số 57/2023/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua vào các ngày 01, 02, 03 tháng 02 năm 2023 và được công bố theo Quyết định số 39/QĐ-CA ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thì hành vi của bị cáo Tiêu Thị G là dùng thủ đoạn hỏi mua vàng để bị hại tin rằng bị cáo sẽ thực hiện giao dịch mua vàng qua đó bị cáo tiếp cận tài sản. Việc bị hại đưa vàng cho bị cáo chỉ là để bị cáo xem hàng và kiểm tra

hàng, thời điểm thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, các bên đang thực hiện hành vi giao dịch, bị hại đang viết hóa đơn, bị cáo chưa ký vào hóa đơn, bị cáo chưa thực hiện việc thanh toán tiền mua nên chưa có việc chuyển giao tài sản từ bị hại qua cho bị cáo, tài sản vẫn đang nằm trong tầm quản lý của bị hại. Bị hại sợ bị cáo bỏ chạy nên đã đi theo, bị cáo thấy vậy thì bị cáo lên xe nổ máy tăng ga bỏ chạy, bị hại hô hoán nhưng bị cáo đã tẩu thoát cùng với tài sản. Do đó, hành vi của bị cáo Tiêu Thị G phạm vào tội “Cướp giật tài sản”.

Giá trị tài sản mà bị cáo Tiêu Thị G đã chiếm đoạt khi thực hiện hành vi cướp giật 03 chiếc nhẫn vàng (02 chiếc nhẫn loại 2 chỉ, 01 chiếc nhẫn loại 01 chỉ), tổng trị giá 31.500.000 đồng (Ba mươi một triệu năm trăm nghìn đồng).

Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo có đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình, bị cáo đang có tiền sự về hành vi trộm cắp tài sản nên các hành vi chiếm đoạt tài sản của bị cáo đã phạm vào các tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự và tội “Cướp giật tài sản” theo khoản 1 điều 171 Bộ luật hình sự như Cáo trạng truy tố là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2.2]. Xét tính chất hành vi của bị cáo:

Tội phạm mà bị cáo thực hiện thuộc loại nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng đến trật tự an và an toàn xã hội tại địa phương, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý; động cơ mục đích phạm tội là chiếm đoạt tài sản để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân, thỏa mãn nhu cầu bản thân. Vì vậy, cần xử phạt nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ dài để bị cáo được cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Tiêu Thị G phạm tội không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Do đó, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[2.4] Về hình phạt bổ sung: Đối với loại tội này ngoài hình phạt chính còn có hình phạt bổ sung là phạt tiền, nhưng xét bị cáo không có công việc và thu nhập ổn định nên miễn hình phạt tiền cho bị cáo.

[2.5] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì về dân sự nên HĐXX không xét.

[2.6]. Về vật chứng: Quá trình điều tra cơ quan Điều tra Công an huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An đã thu giữ: 02 (hai) chiếc nhẫn có đặc điểm tương đồng nhau, mỗi nhẫn bằng kim loại màu vàng, mặt trong có in dập các chữ và số “9999”, “Phuhuu”, “1c” do chị Hồ Thị Dung giao nộp; 01 (một) hộp nhựa màu đỏ; 01 tem rời của cửa hàng Phú Hữu loại 01 chỉ do chị Võ Thị N giao nộp. Đây là tài sản của công ty TNHH vàng bạc Phú Hữu. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đô Lương đã tiến hành trả lại cho chị Nguyễn Thị Huyền, sinh năm 1984, trú tại khối 3, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Nghệ An – Giám đốc công ty TNHH vàng bạc Phú Hữu là đúng quy định của pháp luật; 03 (ba) chiếc nhẫn được làm bằng kim loại, màu vàng, mặt trong có in dập các dòng chữ và số ở các nhẫn là (“HẢI VÂN”, “9999”, “1”), (“HẢI VÂN”, “2”, “9999”), (“HẢI VÂN”, “2c”, “9999”) do chị Trần Nhật L giao nộp. Đây là tài sản của Doanh nghiệp Hải Vân. Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Đô Lương đã tiến hành trả lại cho ông Hồng Quốc Dũng là Chủ doanh nghiệp tư nhân Hải Vân là đúng quy định của pháp luật; 01 (một) chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, mặt trong có in dập số “9999” do chị Võ Thị N giao nộp. Đây là nhẫn giả mà Tiêu Thị G dùng để trao đổi nhẫn vàng thật khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại cửa hàng vàng bạc Phú Hữu là vật chứng không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy; 01 (một) chiếc ví da màu đen có kích thước 8 x 10 cm, loại ví gập, bên trong ví có 01 thẻ bảo hành chính hãng xe mô tô HONDA là tài sản của Tiêu Thị G để lại không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo G nên cần trả lại cho bị cáo; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA EXCITER màu xanh – trắng, mang biển kiểm soát BKS: 37D1 – 648.99 do Tiêu Thị G điều khiển khi thực hiện hành vi phạm tội. Qua xác minh chủ xe là anh Nguyễn Văn Quang, sinh năm 1994, trú tại xóm 4, xã T, huyện Đ, tỉnh Nghệ An (là người đang chung sống như vợ chồng với Tiêu Thị G); anh Nguyễn Văn Quang không biết việc Tiêu Thị G dùng xe mô tô của mình để thực hiện hành vi phạm tội. Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Đô Lương đã tiến hành trả lại chiếc xe cho chủ sở hữu Nguyễn Văn Quang. Người ủy quyền nhận thay là ông Nguyễn Văn Hồng, sinh năm 1961, trú tại xóm T, xã T, huyện Đ, tỉnh Nghệ An là đúng quy định của pháp luật.

[3] Đối với Chị Hồ Thị D và chị Trần Nhật Linh là những người mua vàng các tài sản do bị cáo phạm tội mà có nhưng chị D, chị L không biết đó là tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra Công an huyện Đô Lương không xử lý hình sự đối với chị Hồ Thị D, chị Trần Nhật L là đúng quy định của pháp luật.

Đối với bà Nguyễn Thị Q, bà Phạm Thị N là người nhận tiền từ bị cáo nhưng bà Q, bà Nga không biết tiền đó là do bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra Công an huyện Đô Lương không xử lý đối với hành vi của bà Q, bà Nga là đúng quy định của pháp luật.

[4]. Các đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An về việc giải quyết toàn diện vụ án là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Buộc bị cáo chi án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; Khoản 1 Điều 171; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị Quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Về tội danh và hình phạt:

Xử phạt: Bị cáo Tiêu Thị G 12 (mười hai) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”;

Xử phạt bị cáo Tiêu Thị G 24 (hai mươi tư) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”.

Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Tiêu Thị G phải chấp hành chung hình phạt của 02 tội là 36 (ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tính từ ngày bị cáo bị bắt để thi hành án.

- Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Tiêu Thị G.

- Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, mặt trong có in dập số “9999” do chị Võ Thị N giao nộp; Trả lại cho bị cáo Tiêu Thị G 01 (một) chiếc ví da màu đen có kích thước 8 x 10 cm, loại ví gấp, bên trong ví có 01 thẻ bảo hành chính hãng xe mô tô HONDA. (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 04 tháng 3 năm 2024, giữa Công an huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An).

- Về án phí: Buộc bị cáo Tiêu Thị G chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKS, THADS huyện Đô Lương;
- Công an huyện Đô Lương;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Những người tham gia tố tụng;
- Sở tư pháp tỉnh Nghệ An;
- UBND nơi bị cáo cư trú (để biết);
- Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Duy Phi

